TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT **TỈNH ĐĂK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/DS - ST
Ngày: 27/5/2025
V/v:"Tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh doanh"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT – TỈNH ĐĂK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hòa và bà Phạm Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Dũng **-** Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút tham gia phiên toà*:* Ông Hoàng Xuân Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2025 tại Phòng xử án TAND huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 115/2024/TLST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2024 về *"Tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh doanh"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2025/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 03 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 07/2025/QĐST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 14/2025/QĐST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Văn L, sinh năm 1962 và bà Huỳnh Thị C, sinh năm 1963; Cùng địa chỉ: Thôn Hợp T, xã Ea P, huyện Cư J, tỉnh Đắk N.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1967; Địa chỉ: Bon U3, Thị trấn Ea T, huyện Cư J, tỉnh Đắk N - là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 14/8/2024).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1982 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1984; Cùng địa chỉ: Thôn Nam T, xã Ea P, huyện Cư J, tỉnh Đắk N.

(*Bà có mặt; ông T, bà H vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và tại bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn do bà Nguyễn Thị L đại diện trình bày*:*

Vào ngày 02 tháng 03 năm 2023 giữa ông Lê Văn L, bà Huỳnh Thị C và ông Nguyễn Đình T, Nguyễn Thị H cùng nhau ký Hợp đồng hợp tác tại Văn phòng công chứng Nguyễn Văn Nhất, số công chứng: 1221; Quyển số 02/2023 TP/CC-

SCC/HĐGD. Mục đích cùng nhau hợp tác đầu tư để khai thác trang trại chăn nuôi heo tại Thôn Nam Tiến, xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đăk Nông, cùng phát sinh lợi nhuận. Bên A (ông Nguyễn Đình T và bà Nguyễn Thị H) góp vốn bằng toàn bộ cơ sở hạ tầng đã xây dựng hệ thống trang trại chăn nuôi, tương đương với số tiền đã đầu tư là: 2.300.000.000đ (Hai tỷ ba trăm triệu đồng). Bên B (ông Lê Văn L và bà Huỳnh Thị C) góp vốn bằng tiền để đầu tư và duy trì hoạt động chăn nuôi tại trang trại và các chi phí hợp lý khác trong quá trình chăn nuôi với số tiền là: 2.300.000.000đ (Hai tỷ ba trăm triệu đồng). Tổng số tiền mà hai bên đã thỏa thuận góp vốn để hợp tác kinh doanh là: 4.600.000.000đ (Bốn tỷ sáu trăm triệu đồng). Thời hạn hợp tác là 10 (mười) năm kể từ ngày Hợp đồng này được công chứng hoặc cho đến khi có văn bản khác thay thế và chấm dứt theo quy định của pháp luật.

Tại khoản 2 Điều 3 của hợp đồng hợp tác quy định như sau:

- Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất của trang trại, kể cả những tài sản đã, đang và sẽ có hình thành trong tương lai đều thuộc quyền sở hữu Bên A.

- Sau khi kết thúc thời hạn hợp tác nếu hai bên không tiếp tục hợp tác thì Bên A sẽ thanh toán cho Bên B số tiền: 2.300.000.000đ (Hai tỷ ba trăm triệu đồng). Kể cả trong trường hợp hai bên thỏa thuận chấm dứt hợp tác trước thời hạn thì Bên A cũng phải thanh toán lại cho Bên B số tiền: 2.300.000.000đ (Hai tỷ ba trăm triệu đồng).

Tại Điều 8 Hợp đồng hợp tác quy định như sau:

Bên A có trách nhiệm báo cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Cư Jút Đắk Nông biết việc hợp tác với Bên B. Bên B biết rõ thửa đất có xây dựng trang trại chăn nuôi của Bên A đang thế chấp tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Cư Jút Đắk Nông và trong trường hợp tài sản thế chấp của Bên A bị xử lý thu hồi nợ, bên B cũng không được cản trở hay làm ảnh hưởng đến việc thu hồi nợ của Ngân hàng.

Sau khi hai bên ký Hợp đồng hợp tác ngày 02/3/2023 ông Lộc đã giao cho ông Nguyễn Đình T và bà Nguyễn Thị H số tiền 2.300.000.000đ (Hai tỷ ba trăm triệu đồng) và ông T bà H đã nhận đủ.

Trang trại heo hoạt động đến khoảng tháng 8 năm 2023 thì cũng không hoạt động được nữa vì tài sản của ông T bà H bị Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Cư Jút, tỉnh Đắk Nông khởi kiện ra Tòa án, sau đó Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư Jút kê biên tài sản trên để thi hành án trả tiền cho Ngân hàng. Các bên không có thỏa thuận được, nên ngày 25 tháng 7 năm 2024 ông L có gửi thông báo cho ông T bà H về việc chấm dứt Hợp đồng hợp tác kinh doanh và yêu cầu ông T bà H trả lại số tiền 2.300.000.000đ (Hai tỷ ba trăm triệu đồng) nhưng ông T bà H vẫn không đến gặp ông L bà C để chấm dứt Hợp đồng hợp tác kinh doanh và trả cho số tiền trên.

Nay ông L và bà C khởi kiện yêu cầu:

1/ Tuyên chấm dứt Hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa ông Lê Văn L, bà Huỳnh

Thị C và ông Nguyễn Đình T, bà Nguyễn Thị H xác lập ngày 02/3/2023.

2/ Buộc ông Nguyễn Đình T và bà Nguyễn Thị H phải trả cho ông Lê Văn L và bà Huỳnh Thị C số tiền 2.300.000.000 đồng, đồng thời yêu cầu tính lãi 0,83%/tháng kể từ ngày thụ lý (07/10/2024).

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Với phương án đầu tư kinh doanh hợp tác chăn nuôi cùng nhau phát sinh lợi nhuận, cùng nhau hướng tới lợi nhuận từ việc chăn nuôi, hợp đồng trong vòng 10 năm nên không bên nào được chấm dứt hợp đồng. Trong khi phía bên ông L biết rõ và nắm rõ trong Hợp đồng ghi rõ tài sản trên đất và trang trại gắn liền trên đất đã được thế chấp toàn bộ cho phía bên Ngân hàng. Và trong hợp đồng đã nêu rõ trường hợp bị thu hồi nợ thì phía bên B ông L không được quyền cản trở việc thu hồi nợ Ngân hàng và tôi cũng không cam kết là nếu Ngân hàng thu hồi nợ thì tôi phải trả số tiền trên cho phía ông L. Nên tôi không có trách nhiệm phải trả cho ông L số tiền chung khi hợp tác làm ăn chia đôi số tiền lợi nhuận từ trước tới nay.

Trong việc Ngân hàng thu hồi nợ là do ngoài ý muốn của chúng tôi vì chúng tôi bất khả kháng không làm gì được vì đây là nhà nước thu hồi chứ chúng tôi không bán hay làm sai điều gì trong bản hợp đồng hợp tác kinh doanh. Trong khi làm hợp đồng thì cả hai bên cùng đã đọc và hiểu rõ và đưa đến thống nhất theo biên bản Hợp đồng kinh doanh đã được công chứng và chúng tôi cũng không lừa dối cũng như không trốn tránh trong việc Hợp tác kinh doanh, còn như trong Hợp đồng là chồng tôi là Nguyễn Đình T và ông Lê Văn L là chính nên có gì cần giải quyết thì chờ chồng tôi về cùng nhau làm việc.

* *Đối với bị đơn ông Nguyễn Đình T:* Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ nhiều lần và niêm yết các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn không đến Tòa án làm việc. Tòa án đã ra thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để hòa giải nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do, nên Tòa án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được. Vì vậy, Tòa án phải đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

*** Tại phiên tòa**:

- Bà Nguyễn Thị L là người được nguyên đơn ủy quyền tham gia tố tụng yêu cầu Hội đồng xét xử (HĐXX):

1/ Tuyên chấm dứt Hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa ông Lê Văn L, bà Huỳnh Thị C và ông Nguyễn Đình T, bà Nguyễn Thị H xác lập ngày 02/3/2023.

2/ Buộc ông Nguyễn Đình T và bà Nguyễn Thị H phải trả cho ông Lê Văn L và bà Huỳnh Thị C số tiền 2.300.000.000 đồng.

3/ Ngày 28/4/2025 bà L có đơn xin rút yêu cầu tính lãi đối với số tiền 2.300.000.000 đồng.

- Bị đơn ông Nguyễn Đình T và bà Nguyễn Thị H vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng cũng như nội dung vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quy định, quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không chấp hành đầy đủ các quy định, quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Ngày 02/3/2023 giữa nguyên đơn và bị đơn có ký hợp đồng hợp tác kinh doanh trang trại chăn nuôi heo, bị đơn ông Nguyễn Đình T và bà Nguyễn Thị H góp vốn bằng toàn bộ cơ sở hạ tầng đã xây dựng hệ thống trang trại, tương đương số tiền đã đầu tư: 2.300.000.000 đồng, nguyên đơn ông Lê Văn L và bà Huỳnh Thị C góp vốn bằng tiền đầu tư và duy trì hoạt động chăn nuôi tại trang trại và các chi phí hợp lý khác trong quá trình chăn nuôi với số tiền 2.300.000.000 đồng. Tổng số tiền mà hai bên đã thỏa thuận góp vốn để hợp tác kinh doanh là 4.600.000.000 đồng. Hiện nay, Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư Jút đã kê biên tài sản trên để thi hành án trả tiền cho Ngân hàng nên đối tượng của Hợp đồng không còn, vì vậy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ. Nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tuyên chấm dứt hợp đồng hợp tác kinh doanh và buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 2.300.000.000 đồng, đồng thời đình chỉ yêu cầu tính lãi trên số tiền 2.300.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và nghe ý kiến trình bày của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quyền khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Về quan hệ pháp luật: Trong đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải trả số tiền 2.300.000.000 đồng tiền đầu tư phát triển trang trại chăn nuôi heo và tiền lãi theo Hợp đồng, do đó quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh doanh" theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Nguyễn Đình T và bà Nguyễn Thị H có nơi cư trú tại: Thôn Nam T, xã Ea P, huyện Cư J, tỉnh Đăk N, vì vậy, tranh chấp giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hình thức: Bị đơn ông Nguyễn Đình T và bà Nguyễn Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt. Do vậy, HĐXX căn cứ theo điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông Thành và bà Hương.

[3] Về nội dung:

[3.1] Đối với yêu cầu của nguyên đơn ông Lê Văn L và bà Huỳnh Thị C yêu cầu:

- Tuyên chấm dứt Hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa ông Lê Văn Lộc, bà Huỳnh Thị C và ông Nguyễn Đình T, bà Nguyễn Thị H xác lập ngày 02/3/2023.

- Buộc ông Nguyễn Đình T và bà Nguyễn Thị H phải trả cho ông Lê Văn L và bà Huỳnh Thị C số tiền 2.300.000.000 đồng.

HĐXX xét thấy Hợp đồng hợp tác kinh doanh trang trại heo ngày 02/3/2023 được ký kết giữa ông Lê Văn L, bà Huỳnh Thị C và ông Nguyễn Đình T và bà Nguyễn Thị H trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung không trái quy định của Điều 117 Bộ luật dân sự năm 2015 nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ các các bên theo Hợp đồng.

Điều 422 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về chấm dứt Hợp đồng như sau:

Hợp đồng chấm dứt trong trường hợp sau đây:

1. Hợp đồng đã được hoàn thành;

2. Theo thỏa thuận của các bên;

3. Cá nhân giao kết hợp đồng chết, pháp nhân giao kết hợp đồng chấm dứt tồn tại mà hợp đồng phải do chính cá nhân, pháp nhân đó thực hiện;

4. Hợp đồng bị hủy bỏ, bị đơn phương chấm dứt thực hiện;

5. Hợp đồng không thể thực hiện được do đối tượng của hợp đồng không còn;

6. Hợp đồng chấm dứt theo quy định tại Điều 420 của Bộ luật này;

7. Trường hợp khác do luật quy định.

Theo Biên bản xác minh ngày 21/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút tại trụ sở Chi cục thi hành án huyện Cư Jút, tỉnh Đăk Nông, ông Nguyễn Thế H – chấp hành viên chi cục thi hành án huyện Cư Jút, tỉnh Đăk Nông cho biết.

"*Trang trại nuôi heo của ông Nguyễn Đình T và bà Nguyễn Thị H thuộc thửa đất số 148,150, tờ bản đồ số 82, địa chỉ: xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đăk Nông, diện tích 10.001 m^2, mục đích sử dụng 535 m^2 đất trồng cây lâu năm, 9.466 m^2 đất trồng cây hàng năm khác (chuyển mục đích 4.000 m^2 đất trồng cây hàng năm khác sang đất nông nghiệp khác tại thửa đất số 150)*

- Thời hạn sử dụng: Đất trồng cây lâu năm ngày 15/10/2047, đất trồng cây hàng năm khác ngày 15/10/2020.

- Nguồn gốc sử dụng đất: Nhận chuyển nhượng Quyền sử dụng đất được Nhà nước công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất.

- Hiện nay 02 thửa đất số 148, 150 tờ bản đồ số 82, địa chỉ: xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đăk Nông đang được đấu giá theo quy định của pháp luật thi hành án Dân sự.

Do vậy đối tượng của Hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 02/3/2023 giữa ông L, bà C và ông T, bà H là trang trại heo đã không còn, dẫn đến việc hai bên không thể nào tiếp tục thực hiện hợp đồng do đó yêu cầu của nguyên đơn về việc chấm dứt Hợp đồng tác kinh doanh giữa ông Lê Văn L, bà Huỳnh Thị C và ông Nguyễn Đình T, bà Nguyễn Thị H xác lập ngày 02/3/2023 là có cơ sở chấp nhận.

Tại khoản 2 Điều 3 của Hợp đồng Hợp tác kinh doanh ngày 02/03/2023 quy định như sau:

.... "*Sau khi kết thúc hợp đồng hợp tác nếu hai bên không tiếp tục hợp tác thì bên A sẽ thanh toán lại cho bên B số tiền: 2.300.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ ba trăm triệu đồng). Kể cả trong trường hợp hai bên thỏa thuận chấm dứt hợp tác trước thời hạn thì bên A cũng phải thanh toán lại cho bên B số tiền 2.300.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ ba trăm triệu đồng).*

Do đó yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn ông Nguyễn Đình T và bà Nguyễn Thị H phải trả cho ông Lê Văn L và bà Huỳnh Thị C số tiền 2.300.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Tại đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi 0,83%/tháng từ ngày thụ lý (ngày 07/10/2024) đến ngày xét xử (ngày 27/5/2025) đối với số tiền 2.300.000.000 đồng. Tuy nhiên ngày 28/4/2025 bà Nguyễn Thị L là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Đình T và bà Nguyễn Thị H có đơn xin rút yêu cầu tính lãi. Xét thấy việc rút yêu cầu của bà L là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên HĐXX cần áp dụng khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu tính lãi đã rút.

[4] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông T và bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 78.000.000 đồng.

Ông L, bà C là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí và đã có đơn xin miễn nên ông L, bà C được miễn nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227; Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Điều 117, Điều 422 Bộ luật dân sự năm 2015.
- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn L và bà Huỳnh Thị C.

- Tuyên chấm dứt Hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa ông Lê Văn L, bà Huỳnh Thị C và ông Nguyễn Đình T, bà Nguyễn Thị H xác lập ngày 02/3/2023.
- Buộc ông Nguyễn Đình T và bà Nguyễn Thị H phải trả cho ông Lê Văn L và bà Huỳnh Thị C số tiền 2.300.000.000đ (*Hai tỷ ba trăm triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu

thi hành án của ông Lê Văn L và bà Huỳnh Thị C cho đến khi thi hành xong, ông Nguyễn Đình T và bà Nguyễn Thị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[2] Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Đình T và bà Nguyễn Thị H phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 78.000.000đ (*Bảy mươi tám triệu đồng*).

- Ông L, bà C là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí và đã có đơn xin miễn nên ông L, bà C được miễn nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo quy định.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[3] Quyền kháng cáo: Ông Lê Văn L và bà Huỳnh Thị C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Đình T và bà Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *Tòa án nhân tỉnh Đăk Nông;*
- *VKSND huyện Cư Jút*;
- *CCTHADS Huyện Cư Jút*;
- *Lưu VP, hồ sơ .*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh